

Số: 2704/QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động các Viện, Trung tâm và Công ty

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp I thành Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Đảng ủy Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về quản lý hoạt động các Viện, Trung tâm và Công ty của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

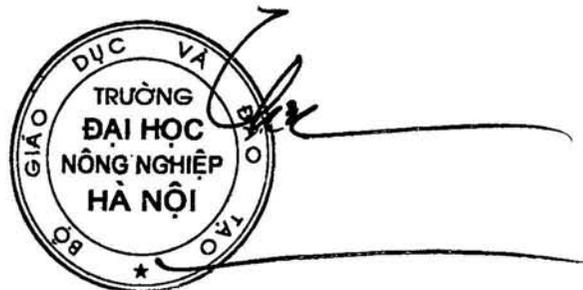
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ những quy định của Nhà trường trước đây trái với quy định này.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, TC-KT, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Vũ Văn Liệt

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CÁC VIỆN, TRUNG TÂM VÀ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2704/QĐ-NNH ngày 30/10/2012 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các Viện, Trung tâm và Công ty của Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (*Danh sách tại phụ lục 1*), sau đây gọi tắt là Trung tâm.

Quy định này quy định về quản lý hoạt động các Trung tâm của Trường bao gồm các nội dung: Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, tham gia vào đào tạo, nghĩa vụ đóng góp xây dựng Trường.

Điều 2. Mục đích

1. Tăng cường trách nhiệm, nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tự chủ về tài chính của các Trung tâm. Quản lý hoạt động của các Trung tâm theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Trường;

2. Tạo điều kiện gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, đẩy nhanh quá trình xã hội hóa các hoạt động khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của Trường;

3. Tham gia tích cực vào công tác đào tạo của Trường;

4. Đóng góp xây dựng cơ sở vật chất và vị thế Trường

Điều 3. Quy định về hệ thống quản lý Trung tâm của Trường

Các Trung tâm là đơn vị trực thuộc trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên bao gồm tiền công, tiền lương và các chi phí hoạt động khác.

Hệ thống quản lý các Trung tâm phân cấp theo 2 nhóm:

Nhóm 1: Hiệu trưởng trực tiếp quản lý các Trung tâm có doanh thu hàng năm từ 3,0 tỷ đồng trở lên (tính bình quân trong 3 năm) hoặc quản lý số tài sản lớn, các Trung tâm làm công tác đào tạo, dịch vụ công.

Nhóm 2: Hiệu trưởng ủy quyền cho các Trường khoa quản lý các Trung tâm có doanh thu hàng năm dưới 3,0 tỷ đồng.

(Chi tiết danh sách tại Phụ lục 1).

Những Trung tâm trong 3 năm liên không hoặc ít tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và doanh thu dưới 500 triệu đồng sẽ xem xét sáp nhập hoặc giải thể.

Việc quản lý của cơ quan chủ quản tổ chức khoa học công nghệ được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư 02/2010/TT-BKH-CN của Bộ Khoa học Công nghệ về hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và

công nghệ và các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với các đơn vị khác, việc quản lý thực hiện theo quy định của Nhà trường và các các quy định của pháp luật có liên quan.

Các tổ chức khoa học công nghệ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư 02/2010/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học Công nghệ về hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quy định về tổ chức cán bộ

1. Lãnh đạo các Trung tâm do Hiệu trưởng bổ nhiệm theo quy định về công tác tổ chức cán bộ của Đảng và Nhà nước.

2. Các Trung tâm là tổ chức khoa học công nghệ phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại Thông tư số 02 /2010/TT-BKHHCN ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Cán bộ của các Trung tâm là cán bộ của Trường do các Trung tâm tuyển dụng, quản lý, sử dụng, tự chi trả lương và các khoản thu nhập theo quy định của Trường và của Nhà nước.

4. Các Trung tâm được ký hợp đồng lao động theo yêu cầu nhiệm vụ nhưng phải báo cáo và nộp hồ sơ cán bộ về phòng Tổ chức cán bộ của Nhà trường trước khi tuyển dụng. Cán bộ do Trung tâm tuyển dụng phải thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật. Các Trung tâm có con dấu, tài khoản riêng trực tiếp đóng các loại bảo hiểm cho người lao động theo quy định tại cơ quan bảo hiểm. Các Trung tâm không/chưa có con dấu tài khoản riêng đóng các loại bảo hiểm theo quy định thông qua Phòng Tổ chức cán bộ.

Điều 5. Quy định quản lý tài sản

Quản lý tài sản, thiết bị, đất đai của các Trung tâm được thống nhất chung trong toàn Trường thông qua phòng Quản trị - Thiết bị và Xây dựng cơ bản. Nhà trường giao cho các Trung tâm quản lý, sử dụng, khai thác theo đúng mục đích (có văn bản quy định riêng cho 1 số tài sản).

Các Trung tâm phải chịu trách nhiệm bảo hành, sửa chữa, bảo vệ tài sản để sử dụng lâu bền. Nếu để xảy ra mất mát, hỏng hóc tài sản Trung tâm chịu trách nhiệm theo quy định của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước.

Các Trung tâm được mua sắm mới thiết bị theo nhu cầu và theo các dự án đầu tư

Điều 6. Quy định về hoạt động khoa học công nghệ

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động đã được phê duyệt và cấp phép của đơn vị, các Trung tâm được tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ và biện pháp tổ chức thực hiện.

2. Các Trung tâm được tự quyết định việc tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước giao

hoặc đặt hàng và quyết định biện pháp tổ chức thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đó đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

3. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao được thống nhất chung trong toàn trường thông qua phòng Khoa học - Công nghệ (đối với các Trung tâm có chức năng và đủ điều kiện).

4. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ chỉ được tính giờ nghiên cứu và công nhận sản phẩm khoa học công nghệ khi hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Trường thông qua phòng Tài chính - Kế toán.

5. Các sản phẩm khoa học công nghệ phải xác định rõ là sản phẩm từ các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ của khoa hay của Trung tâm.

Điều 7. Quản lý đào tạo

Hoạt động đào tạo được thống nhất chung trong toàn Trường thông qua phòng Đào tạo đại học và Viện Đào tạo Sau đại học.

Các đơn vị làm dịch vụ đào tạo theo đề án và quyết định thành lập đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 8. Quản lý tài chính

1. Quản lý tài chính của các Trung tâm được thực hiện theo Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ và được quản lý chung theo hệ thống của Trường thông qua phòng Tài chính - Kế toán.

2. Các Trung tâm được Trường hỗ trợ các thủ tục pháp lý xây dựng các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ để xin đầu tư từ các nguồn kinh phí trong nước và nước ngoài.

3. Cán bộ kế toán của các Trung tâm chịu sự quản lý chuyên môn của phòng Tài chính - Kế toán; Các cán bộ kế toán của các Trung tâm có thể đề nghị được tư vấn chuyên môn, tập huấn từ phòng Tài chính - Kế toán. Trường hỗ trợ $\frac{1}{2}$ suất lương kế toán cho các Trung tâm do Trường quản lý.

4. Các Trung tâm cần đáp ứng các yêu cầu báo cáo, kiểm tra và thủ tục tài chính theo quy định của pháp luật; Có trách nhiệm báo cáo tài chính cho Trường thông qua phòng Tài chính - Kế toán vào tháng 6 và tháng 12 hàng năm.

5. Các Trung tâm phải tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên gồm:

a. Chi phí hoạt động.

b. Tiền công, tiền lương và bảo hiểm của người lao động theo quy định của nhà nước, các khoản phúc lợi và thu nhập ngoài lương nhà nước theo quy định của Trường (mức thanh toán phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của đơn vị thu được).

c. Phải nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật.

d. Các khoản chi phí xây dựng, mua sắm, sửa chữa do Trung tâm tự đầu tư và tuân thủ theo quy định của nhà nước về mua sắm, đấu thầu, xây dựng, sửa chữa...

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG CÁC TRUNG TÂM

Điều 9. Quy định hoạt động của các Trung tâm

Các Trung tâm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ và đăng ký hoạt động đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

Hoạt động của các Trung tâm chia thành 5 nhóm chính như sau:

Nhóm 1: Làm nhiệm vụ nghiên cứu, chuyên gia và tham gia đào tạo.

Nhóm 2: Làm nhiệm vụ dịch vụ đào tạo.

Nhóm 3: Làm dịch vụ công.

Nhóm 4: Làm dịch vụ và chuyên gia.

Nhóm 5: Công ty.

(Chi tiết danh sách tại phụ lục 2)

Điều 10. Hoạt động của các Trung tâm thuộc nhóm 1

Các Trung tâm nhóm này là tổ chức khoa học và công nghệ công lập nhà nước thuộc trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được cấp phép, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh và tập trung vào những hoạt động chủ yếu sau:

1. Tham gia đề xuất và đấu thầu các đề tài, dự án trong và ngoài nước.
2. Nghiên cứu khoa học đáp ứng đầy đủ sản phẩm theo thuyết minh đề tài, dự án như tiến bộ kỹ thuật (giống, chế phẩm, quy trình công nghệ...), bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.
3. Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật do Trung tâm tạo ra hoặc tiến bộ của đơn vị khác theo pháp luật hiện hành.
4. Tham gia đào tạo gồm: giảng dạy thực hành, rèn nghề, chuyên đề, sinh viên thực tập tốt nghiệp, học viên cao học và NCS làm thí nghiệm, nghiên cứu phục vụ viết luận văn, luận án tốt nghiệp.
5. Tiêu chí đánh giá gồm:
 - a. Số đề tài dự án/năm;
 - b. Số kinh phí của các đề tài dự án;
 - c. Số bài báo công bố trong và ngoài nước;
 - d. Số tiến bộ kỹ thuật và quy mô chuyển giao, số kinh phí thu được từ các hoạt động chuyển giao;
 - e. Số sinh viên học thực hành, học nghề, học tập chuyên đề;
 - f. Số sinh viên thực tập tốt nghiệp toàn bộ thời gian, sử dụng nguồn lực của đơn vị để nghiên cứu;

g. Số học viên và NCS làm đề tài tốt nghiệp tại đơn vị toàn bộ thời gian, sử dụng nguồn lực của đơn vị để nghiên cứu.

Điều 11. Hoạt động của các Trung tâm thuộc nhóm 2

1. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được cấp phép ghi trong quyết định và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, tập trung vào những hoạt động chủ yếu sau:

- a. Tuyển sinh và mở lớp đào tạo dài hạn, ngắn hạn;
- b. Ký kết hợp đồng liên kết đào tạo trong và ngoài nước;
- c. Tổ chức đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường;
- d. Cải tiến để từng bước nâng cao chất lượng tập huấn, đào tạo.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a. Số lớp/ năm, số sinh viên;
- b. Chất lượng đào tạo;
- c. Số kinh phí thu được từ đào tạo.

Điều 12. Hoạt động của các Trung tâm thuộc nhóm 3

1. Chức năng, nhiệm vụ theo quyết định và đề án thành lập đã được phê duyệt và quy định của pháp luật, tập trung vào những hoạt động chủ yếu sau:

a. Tổ chức các dịch vụ công cho cán bộ và sinh viên bao gồm: nhà ở, môi trường, học đường, ăn uống và các dịch vụ khác mang tính phục vụ chung cho cán bộ và sinh viên.

b. Các hoạt động tiến hành theo hình thức khoán để nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a. Chất lượng dịch vụ;
- b. Số kinh phí đóng góp.

Điều 13. Hoạt động của các Trung tâm thuộc nhóm 4

1. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được cấp phép đăng ký kinh doanh và dịch vụ, theo quyết định và đề án thành lập đã được phê duyệt, tập trung vào những hoạt động chủ yếu sau: Tăng cường dịch vụ đào tạo cấp chứng chỉ như: bằng lái xe, chứng chỉ kế toán trưởng, dự án đo vẽ bản đồ, quy hoạch sử dụng đất và các hợp đồng dịch vụ chuyển giao khác.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a. Số hợp đồng chuyển giao, đào tạo, quy hoạch;
- b. Số kinh phí thu được hàng năm;
- c. Số kinh phí đóng góp.

Điều 14. Hoạt động của Công ty (nhóm 5)

1. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ đã được cấp phép, giấy chứng nhận kinh doanh, quyết định thành lập và đề án đã được phê duyệt, tập trung vào những hoạt động chủ yếu sau:

- a. Tổ chức quản lý nhà khách công vụ;
- b. Quản lý các khu dịch vụ trong Trường;
- c. Quản lý các hợp đồng trong Trường, hợp đồng chuyển giao của Công ty.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a. Số hợp đồng thu nộp hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu;
- b. Số hợp đồng chuyên giao và kinh phí thu được;
- c. Số kinh phí thu được từ các dịch vụ.

CHƯƠNG III. QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TRUNG TÂM CHO TRƯỜNG

Điều 15. Nguyên tắc tính đóng góp nghĩa vụ của các Trung tâm

1. Sự đóng góp của các Trung tâm đảm bảo công bằng, có tác dụng khuyến khích các đơn vị tích cực hoạt động phát triển đơn vị.

2. Mức đóng góp xây dựng dựa trên cơ sở nguồn tài nguyên của Trường giao cho đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác.

3. Doanh thu hàng năm là một căn cứ chung để đánh giá khả năng sử dụng và khai thác nguồn lực nói trên của các Trung tâm.

Điều 16. Quy định mức đóng góp nghĩa vụ của các Trung tâm

1. Số kinh phí tối thiểu các đơn vị phải nộp nghĩa vụ về trường hàng năm (chi tiết như phụ lục 3), mức kinh phí giao nộp với các đơn vị như sau:

- a. Nhóm 1: là 3% tổng doanh thu/năm;
- b. Nhóm 2: là 3% tổng doanh thu/năm;
- c. Nhóm 3: Trung tâm làm dịch vụ công khoán công suất phòng ở là 90% công suất, số sinh viên/phòng và Trường thống nhất với Trung tâm để quy định mức phí một sinh viên ;
- d. Nhóm 4: là 4% tổng doanh thu/năm;
- e. Nhóm 5: Công ty khoán thu nhà khách công vụ (mức thu = số phòng x đơn giá x 9,5 tháng x 80%)/năm, các hợp đồng liên kết trong trường là 70% giá đấu thầu, các kiot dịch vụ mức thu 90% giá thầu/năm, các dự án, đề tài do Công ty khai thác mức thu 3%/năm như đơn vị khác.

2. Số kinh phí nộp trên tính theo mức tối thiểu, khi vượt qua số tối thiểu này các đơn vị được tính giảm trừ.

3. Trung tâm thực nghiệm và đào tạo nghề ngoài mức nộp tối thiểu phải tự trả lương Trường cho cán bộ tuyển dụng từ 1985 trở về trước và nộp về Trường 100 tr.đ/năm để bù lương nhà nước cho số cán bộ này (số cán bộ dạy nghề là 4 biên chế được trả lương bình thường theo hiện hành). Tuy nhiên, tùy tình hình cụ thể từng năm Nhà trường sẽ xem xét hỗ trợ nếu có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Điều 17. Quy định giảm trừ nghĩa vụ nộp về Trường của các Trung tâm

Để khuyến khích các Trung tâm tham gia đào tạo và nghiên cứu khoa học, doanh thu của các Trung tâm khi vượt qua mức tối thiểu phải nộp nghĩa vụ sẽ được tính giảm trừ như các mục trong bảng sau:

Bảng: Quy định giảm trừ nghĩa vụ phải nộp của các Trung tâm

TT	Mục tính giảm trừ	tr.đ/năm
1	Đào tạo 1 sinh viên	1,5
2	Đào tạo 1 cao học	3,0
3	Đào tạo 1 NCS	7,5
4	1 bài báo quốc tế có chỉ số	20,0
5	1 bài báo trong nước	5,0
6	1 tiến bộ kỹ thuật được CNQG	20,0
7	Xuất bản 1 cuốn sách bằng tiếng Anh	5,0

Ghi chú:

+ Kinh phí giảm trừ là kinh phí khuyến khích, không phải kinh phí thanh toán cho các đơn vị;

+ Sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện nghiên cứu tại đơn vị 100% thời gian theo quyết định phân công thực tập, nghiên cứu của trường và sử dụng nguồn tài nguyên, cơ sở vật chất của Trung tâm (khi tính sinh viên, học viên và NCS thực tập cần có xác nhận của Viện, Trung tâm, Bộ môn và Khoa quản lý);

+ Những Trung tâm không có phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất chỉ được tính sinh viên, học viên cao học, NCS sử dụng kinh phí đề tài dự án của đơn vị cho thực hiện nghiên cứu;

+ Bài báo phải là sản phẩm từ nghiên cứu của Trung tâm (không tính những bài báo thuộc đề tài dự án của Trường, khoa). Các bài báo được tính là các bài công bố trên các tạp chí theo danh mục quy định của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước.

Điều 18. Quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng

Đánh giá hoạt động của các đơn vị được thực hiện vào tháng 12 hàng năm, trên cơ sở các tiêu chí đánh giá quy định để xem xét khen thưởng.

Tùy theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ, các Trung tâm được xem xét khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng. Tiêu chí chính để xét thi đua khen thưởng là:

- Số lượng đề tài, dự án do Trung tâm triển khai (phòng Khoa học - Công nghệ theo dõi cung cấp);
- Số kinh phí được cấp;
- Số sản phẩm khoa học công nghệ;
- + Bài báo quốc tế.
- + Bài báo trong nước.
- + Tiên bộ kỹ thuật được công nhận Quốc gia.
- Số Nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công;
- Số học viên cao học bảo vệ thành công;
- Số sinh viên đã tốt nghiệp;
- Tham gia dạy thực hành, rèn nghề tính theo quy định.

2. Xử lý vi phạm

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm sẽ áp dụng các mức xử lý kỉ luật, xử lý vi phạm hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật

Trường hợp các đơn vị, cá nhân vi phạm Quy định gây thiệt hại vật chất cho các đơn vị và Trường phải bồi thường thiệt hại và chịu hình thức xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ vào mức độ không hoàn thành nhiệm vụ áp dụng các biện pháp sau:

- Hạ mức thi đua của Trường, Phó Trung tâm (Ban giám đốc);
- Thay đổi lãnh đạo Trung tâm;
- Sáp nhập;
- Giải thể Trung tâm.

Điều 19. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay cho những quy định liên quan trái với quy định này.

2. Các ông bà Trường các đơn vị trong Trường có trách nhiệm tổ chức triển khai, giám sát, đôn đốc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung các đơn vị, cán bộ viên chức gửi ý kiến bằng văn bản về ban sửa đổi bộ Quy định của Trường để tổng hợp báo cáo trình Hiệu trưởng xem xét.

4. Căn cứ vào Quy định này các Viện, trung tâm xây dựng những quy định cụ thể phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị./.

KT. HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Liệt

Phụ lục 1: Danh sách phân cấp quản lý các Viện và Trung tâm

TT	Tên Viện, Trung tâm	Đơn vị quản lý
1	Viện và Trung tâm do Trường quản lý	
1.1	Viện Đào tạo và Phát triển quốc tế	Trường
1.2	Viện Nghiên cứu và phát triển cây trồng	"
1.3	Viện Sinh học Nông nghiệp	"
1.4	Trung tâm Dịch vụ Trường học	"
1.5	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp	"
1.6	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành về PTNT	"
1.7	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề	"
1.8	Trung tâm Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng	"
1.9	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	"
1.10	Công ty Tư vấn và Dịch vụ Khoa học kỹ thuật nông nghiệp I	"
1.11	Trung tâm Dạy nghề và Ứng dụng kỹ thuật cao	"
2	Viện và Trung tâm ủy quyền cho khoa quản lý	
2.1	Viện Kinh tế và phát triển	Khoa KT&PTNT
2.2	Viện Phát triển công nghệ Cơ - Điện	Khoa Cơ điện
2.3	Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Nông nghiệp	Khoa SP&NN
2.4	Trung tâm Bệnh cây nhiệt đới	Khoa NH
2.5	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ	"
2.6	Trung tâm Nghiên cứu và PT giống rau chất lượng cao	"
2.7	Trung tâm Nghiên cứu Ong	"
2.8	Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ tài nguyên môi trường	Khoa TN&MT
2.9	Trung tâm Giống lợn chất lượng cao	Khoa CN & NTTS
2.10	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo nghề chăn nuôi	"
2.11	Trung tâm Động vật thí nghiệm	Khoa Thú y
2.12	Trung tâm Nghiên cứu chó nghiệp vụ	"
2.13	Trung tâm Tư vấn và Liên kết	Khoa KT & QTKD

Phụ lục 2: Phân nhóm các Viện và Trung tâm theo lĩnh vực hoạt động

Nhóm 1. Viện, Trung tâm Nghiên cứu, chuyển giao và tham gia đào tạo	
1	Viện Nghiên cứu và phát triển cây trồng
2	Viện Sinh học Nông nghiệp
3	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp
4	Trung tâm Nghiên cứu liên ngành về PTNT
5	Trung tâm Thực nghiệm và Đào tạo nghề
6	Trung tâm Bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trồng
7	Viện Kinh tế và phát triển
8	Viện Phát triển công nghệ Cơ - Điện
9	Trung tâm Bệnh cây nhiệt đới
10	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ
11	Trung tâm Nghiên cứu và PT giống rau chất lượng cao
12	Trung tâm Nghiên cứu Ong
13	Trung tâm Giống lợn chất lượng cao
14	Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo nghề chăn nuôi
15	Trung tâm Động vật thí nghiệm
16	Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ tài nguyên môi trường
Nhóm 2. Viện và Trung tâm dịch vụ đào tạo	
1	Viện Đào tạo và Phát triển quốc tế
2	Trung tâm Ngoại ngữ Đại học Nông nghiệp
Nhóm 3. Trung tâm Dịch vụ công	
1	Trung tâm Dịch vụ Trường học
Nhóm 4. Trung tâm Dịch vụ kinh doanh và chuyển giao	
1	Trung tâm Dạy nghề và Ứng dụng kỹ thuật cao
2	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường
3	Trung tâm Tư vấn và Liên kết
4	Trung tâm Nghiên cứu chó nghiệp vụ
Nhóm 5. Công ty	
1	Công ty Tư vấn và Dịch vụ KHKT nông nghiệp I

\Phụ lục 3: Kinh phí tối thiểu các Viện và Trung tâm phải nộp nghĩa vụ về trường hàng năm tính mức tối thiểu (tr.đ/năm)

T	Viện và Trung tâm	Cơ sở tính	Đơn vị tính	Mức sản DT	Đơn giá	Thành tiền(tr.đ/năm)
Viện, Trung tâm nghiên cứu và tham gia đào tạo						
1	Viện Nghiên cứu và phát triển cây trồng	DT	Tr.đ	3000	3%	90.0
2	Viện Sinh học Nông nghiệp			3000		90.0
3	Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp			3000		90.0
4	Trung tâm Nghiên cứu LN về PTNT			3000		90.0
5	TT Thực nghiệm và ĐT nghề			3000		190.0
6	TT Bảo tồn và PTNGCT			3000		90.0
7	Viện Kinh tế và phát triển			1000		30.0
8	Viện Phát triển công nghệ Cơ - Điện			1000		30.0
9	Trung tâm Bệnh cây nhiệt đới			1000		30.0
10	Trung tâm Nông nghiệp hữu cơ			500		15.0
11	TT NC và PT giống rau CLC			500		15.0
12	Trung tâm Nghiên cứu Ong			500		15.0
13	Trung tâm Giống lợn chất lượng cao			1000		15.0
14	TT Nghiên cứu và Đào tạo nghề CN			500		15.0
15	Trung tâm Động vật thí nghiệm			500		15.0
16	Trung tâm Tư vấn KHCN TNMT			1000		30.0
Viện và Trung tâm dịch vụ đào tạo						
1	Viện Đào tạo và Phát triển quốc tế			1000		30.0
2	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN			1000		30.0
Trung tâm Dịch vụ công						
1	Trung tâm Dịch vụ Trường học	Phòng			90%	2,811.0
Trung tâm Dịch vụ và chuyên giao						
1	TT Dạy nghề và Ứng dụng KTC			3000	4%	120.0
2	TT Kỹ thuật Tài nguyên đất và MT			3000		120.0
3	Trung tâm Tư vấn và Liên kết			3000		120.0
4	TT Chó nghiệp vụ			3000		120.0
Công ty Tư vấn và Dịch vụ KHKT nông nghiệp I						
	◆Nhà khách công vụ	Phòng	tr.đ		80%	300.0

♦Các khu kiot dịch vụ (Green Hua)	DT	tr.đ		90%	500.0
♦Các hợp đồng dịch vụ, CG	DT	tr.đ	3000	4%	120.0
Tổng nộp nghĩa vụ (tr.đ/năm)					5,001.0

Ghi chú

*Công ty TVKTNNI mới dự kiến sau khi đấu thầu mới ấn định mức nộp nghĩa vụ
Các Viện và Trung tâm mới thành lập sẽ miễn giảm trong 3 năm đầu./.*

